

Định nghĩa các thuật ngữ trong y khoa

www.menopauseinfo.org



A

Âm đạo – là một kênh nối từ tử cung đến bên ngoài cơ thể người phụ nữ; đây cũng là khu vực mà dương vật người nam xâm nhập khi quan hệ tình dục.

B

Buồng trứng – một cấu trúc trong cơ thể người phụ nữ, có kích thước cỡ quả hạnh, bên trong có chứa noãn

C

Các loại nội tiết có tương đương sinh học – một từ thường dùng để chỉ các loại thuốc nội tiết có tác dụng hoá học hay có tác dụng hoàn toàn tương tự các nội tiết do cơ thể sản xuất.

Cân bằng độ pH – một trạng thái cân bằng acid trong môi trường âm đạo

Cao huyết áp

Cắt tử cung – phẫu thuật cắt bỏ tử cung

Cắt tử cung toàn phần – toàn bộ tử cung và một phần hay toàn bộ cổ tử cung được loại bỏ

Chỉ số khối cơ thể (BMI) – tỷ số giữa cân nặng và chiều cao.

Chu kỳ kinh nguyệt – sự thay đổi mang tính chu kỳ của niêm mạc tử cung nhằm chuẩn bị cho quá trình làm tổ của noãn sau khi thụ tinh. Nếu trong chu kỳ đó không có sự làm tổ xảy ra, niêm mạc tử cung sẽ bong ra, dẫn đến chảy máu kinh, hay còn gọi là kinh nguyệt

menopause
Info

Cổ tử cung – một cấu trúc hẹp tiếp nối giữa âm đạo và tử cung.

D

Dao động nội tiết – sự thay đổi nồng độ các nội tiết trong cơ thể khi mãn kinh

Điều hoà thụ thể estrogen có chọn lọc – là những loại nội tiết có tác dụng của một estrogen trên một số cơ quan trong cơ thể trong khi lại có tác dụng ức chế hoạt động estrogen trên những cơ quan khác.

Dưới da – để chỉ các chế phẩm thuốc được hấp thu qua đường da, ví dụ miếng dán, gel hay kem thoa

Đường tiểu – những cơ quan có liên quan đến việc sản xuất và tổng xuất nước tiểu ra khỏi cơ thể

E

Estrogen có nguồn gốc thực vật – các loại estrogen được chiết xuất từ cây cỏ

Estrogen đồng vận/đối vận – một hoạt chất có nhiều tác dụng khác nhau trên các mô trong cơ thể; nó có thể có tác dụng của estrogen trên một số mô nhưng lại có tác dụng đối kháng với estrogen trên những mô khác, nơi mà hoạt động của estrogen có thể gây bất lợi cho cơ thể.

Estrogenic hay estrogenized – những phản ứng gây ra bởi estrogen.

Estrogen liên hợp nguồn gốc từ ngựa (CEE) – là một chế phẩm bao gồm nhiều loại estrogen như estrone, equilin và equilenin, được chiết xuất từ nước tiểu của ngựa đang mang thai.

Estrogen ngoại sinh - estrogen được đưa từ bên ngoài vào cơ thể dưới các dạng uống, tiêm, kem, gel hay miếng dán

Estrogen nội sinh – loại estrogen được tìm thấy trong cơ thể.

Estrogens – một loại nội tiết sinh dục, đóng vai trò quan trọng trong hoạt động tình dục và sự phát triển khả năng sinh sản. Estrogen được sản xuất chủ yếu từ buồng trứng. Estrogen giúp điều hoà chu kỳ kinh nguyệt và sức khoẻ sinh sản cũng như hệ thống tim mạch, xương, tuyến vú, da, tóc, cơ vùng chậu và não bộ. Estrogens có thể được chia làm ba nhóm: estrone (E1) – là loại estrogen chủ lực được cơ thể sản xuất sau khi mãn kinh; estradiol (E2) – loại estrogens chính yếu trong giai đoạn hoạt động sinh sản. Đây cũng là loại estrogen có hoạt lực mạnh nhất; estriol (E3) – loại estrogen được sản xuất nhiều nhất trong giai đoạn mang thai.



H

Hậu mãn kinh – thời kỳ sau khi mãn kinh xảy ra

K

Kỳ kinh cuối cùng – kỳ hành kinh cuối cùng trong cuộc đời của người phụ nữ

L

Lạc nội mạc tử cung – sự xuất hiện và phát triển của các tế bào niêm mạc tử cung bên ngoài tử cung. Các tế bào này có thể được tìm thấy tại buồng trứng, ống dẫn rống hay vùng chậu.

Lành tính – không gây nguy hiểm hay ảnh hưởng đến tính mạng – không ác tính.

Libido - Ham muốn tình dục.

Lignans – các estrogen có nguồn gốc thực vật.

Liệu pháp estrogen tại chỗ - estrogen sẽ được đưa trực tiếp vào đường âm đạo. Đây là liệu pháp tại chỗ, và estrogen không được hấp thu vào cơ thể. Estrogen có thể được cung cấp qua dạng vòng, ken thoa vào âm đạo

Liệu pháp nội tiết – còn được biết dưới các tên như “Liệu pháp nội tiết thay thế (HRT)” và “Liệu pháp nội tiết mãn kinh (MHT)”. Đây là những biện pháp điều trị nhằm bổ sung, ức chế hay loại bỏ các hoạt động của nội tiết trong cơ thể. Trong mãn kinh, nội tiết có thể được sử dụng nhằm bổ sung lượng nội tiết bị thiếu hụt trong cơ thể và điều trị các triệu chứng bốc hỏa cũng như các triệu chứng mãn kinh khác.

Liệu pháp nội tiết toàn thân – có thể dưới dạng viên uống, miếng dán da, gel hay kem bôi. Với các chế phẩm dạng này, một lượng lớn estrogen và/hay progesteron được hấp thu vào đường máu

Lý thuyết về cửa sổ điều trị - là khoảng thời gian người phụ nữ sử dụng liệu pháp nội tiết sau khi mãn kinh

M

Mãn kinh – ngày cuối cùng mà người phụ nữ không còn kinh nguyệt nữa

N

Niêm mạc tử cung – lớp niêm mạc phủ toàn bộ bề mặt phía trong của tử cung.

Nguy cơ tương đối – phần trăm người có nguy cơ trên số người khảo sát

Nhận thức – một chức năng của tri thức. Đây là một chuỗi những hành động và những am hiểu thông qua trí nhớ, tiếp thu kiến thức, sử dụng ngôn ngữ và cách giải quyết vấn đề.

Nhũ ảnh – sử dụng tia X để khảo sát tuyến vú

Noãn – tế bào noãn, được tìm thấy trong buồng trứng

Nội soi buồng tử cung – một kỹ thuật trong đó các bác sỹ đưa một dụng cụ vào buồng tử cung và quan sát các thương tổn nếu có bên trong tử cung.

Nội soi đại trực tràng – một dạng xét nghiệm hình ảnh, cho phép bác sỹ kiểm tra đại tràng và trực tràng thông qua một ống soi mềm đưa vào từ hậu môn.

Nội tiết – những chất hoá học có tác dụng hỗ trợ các tế bào của cơ quan này truyền tín hiệu đến các cơ quan khác

Nội tiết FSH – một loại nội tiết do tuyến yên tiết ra. FSH giúp điều hoà chu kỳ kinh nguyệt và kích thích quá trình tạo noãn của buồng trứng. Nồng độ FSH cao ở phụ nữ tuổi trung niên cho thấy dấu hiệu của mãn kinh

Nội tiết sinh dục – các loại nội tiết đặc biệt có liên quan đến sự phát triển và hoạt động chức năng của các cơ quan sinh dục. Các loại nội tiết này đều có tác động đến các đặc tính sinh dục của nam và nữ

P

Phẫu thuật cắt bỏ buồng trứng

Phẫu thuật cắt bỏ buồng trứng hai bên



Phẫu thuật cắt tử cung triệt để – phẫu thuật trong đó, tử cung, cổ tử cung, phần trên âm đạo và hai buồng trứng được cắt bỏ hoàn toàn

Phóng noãn – quá trình noãn phát triển và được phóng thích khỏi buồng trứng

Progesterone – là một loại nội tiết do hoàng thể của buồng trứng tiết ra. Đây là loại nội tiết đóng vai trò quan trọng trong chu kỳ kinh nguyệt và đóng vai trò then chốt trong duy trì thai kỳ ở giai đoạn sớm

Progestogens/progestins – các loại nội tiết có tác dụng tương tự progesterone có sẵn trong cơ thể người phụ nữ

Q

Quanh mãn kinh – thời kỳ trước, xung quanh và ngay sau khi mãn kinh thật sự xảy

S

Sa sút trí tuệ - là sự giảm dần các chức năng nhận thức, hậu quả của các tổn thương hay bệnh lý ở não bộ, thường không liên quan đến suy giảm nhận thức do tuổi tác.

Serotonin – một hoạt chất do não bộ tiết ra, có liên quan đến khí sắc, ăn uống và giấc ngủ

Siêu âm ngả âm đạo – siêu âm được thực hiện qua đầu dò đường âm đạo

Són tiểu – tình trạng nước tiểu chảy ra ngoài ý muốn khi người phụ nữ cười, ho, hắt hơi hay nhấc đồ nặng

Suy buồng trứng sớm (POI) – xảy ra khi buồng trứng ngưng hoạt động trên phụ nữ trước 40 tuổi. Khi tình trạng này xảy ra, buồng trứng sẽ không sản xuất loại nội tiết đặc trưng cho nữ là estrogen và ngưng phóng noãn. POI thường sẽ làm giảm đáng kể cơ hội có thai của người phụ nữ với chính noãn của mình.

T

Tăng sản nội mạc tử cung – niêm mạc tử cung dày lên

Tiểu gấp – tình trạng cơ thể không kìm nén được phản xạ đi tiểu, mắc tiểu là phải chạy vào nhà vệ sinh ngay lập tức

Triệu chứng vận mạch – các triệu chứng bao gồm bốc hỏa, đổ mồ hôi đêm mà người phụ nữ hay than phiền trong giai đoạn quanh mãn kinh

Tử cung

U

Ức chế tái hấp thu có chọn lọc Serotonin – thuốc có tác dụng ngăn chặn hoạt động một loại men chuyển có tác dụng kích thích quá trình phân huỷ serotonin; kết quả là serotonin vẫn được duy trì trong cơ thể, giúp bệnh nhân cảm thấy dễ chịu, không lo lắng. SSRI thường được sử dụng trong điều trị trầm cảm và có thể được các bác sỹ sử dụng một cách không chính thức nhằm điều trị bốc hỏa trong các trường hợp người phụ nữ không thể sử dụng nội tiết.

V

Vô kinh – tình trạng không có kinh nguyệt trong giai đoạn sinh sản.

Vòng nâng – một vòng nhỏ hình oval được đưa vào trong âm đạo thông qua một dụng cụ chuyên dụng

Y

Y học thực chứng – Các bác sỹ sẽ sử dụng các bằng chứng tốt nhất hiện có cập nhật từ các nghiên cứu mới nhất trong quyết định điều trị của mình.

